

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ SỬ DỤNG TÀI SẢN SỐ LÀM TÀI SẢN BẢO ĐẢM TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI VIỆT NAM

● NGUYỄN THANH HUYỀN¹ - TRẦN QUỲNH NHƯ¹

- NGUYỄN THỦY TIÊN¹ - PHẠM PHƯƠNG HOA¹ - HOÀNG ĐỨC MẠNH^{1*}

¹Trường Đại học Ngoại Thương

*Email liên hệ: hoangducmanh2702@gmail.com

TÓM TẮT:

Bài viết phân tích một số vấn đề pháp lý đặt ra đối với việc sử dụng tài sản số làm tài sản bảo đảm trong hoạt động tín dụng tại Việt Nam. Mặc dù pháp luật đã bước đầu ghi nhận tài sản số, nhưng vẫn chưa làm rõ đầy đủ địa vị pháp lý, cơ chế xác lập và bảo vệ quyền, phạm vi tài sản số được dùng làm tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm phù hợp, hiệu lực đối kháng với người thứ ba và cơ chế xử lý tài sản khi phát sinh vi phạm nghĩa vụ. Trên cơ sở đó, bài viết nhấn mạnh sự cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý nhằm tạo cơ sở cho việc khai thác tài sản số như một nguồn lực bảo đảm trong nền kinh tế số.

Từ khóa: tài sản số, tài sản bảo đảm, giao dịch bảo đảm, hoạt động tín dụng.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, tài sản số đã nổi lên như một thành tố quan trọng trong nền kinh tế số toàn cầu, với sự lan tỏa nhanh chóng về quy mô giao dịch, mức độ chấp nhận và phạm vi ứng dụng. Sự dịch chuyển của các hoạt động tài chính truyền thống sang môi trường blockchain và các nền tảng phi tập trung tạo ra một cấu trúc thị trường mới, nơi giá trị được luân chuyển với tốc độ cao và không biên giới. Trong bức tranh chung đó, khu vực châu Á - Thái Bình Dương được ghi nhận là động lực

tăng trưởng nổi bật, còn Việt Nam nổi lên như một thị trường đặc biệt năng động.

Theo số liệu từ Chainalysis năm 2025, Việt Nam hiện ghi nhận dòng vốn tài sản mã hóa hơn 220 tỷ USD và mức tăng trưởng 55% so với năm 2024, nằm trong nhóm quốc gia có tỷ lệ sở hữu tiền mã hóa cao nhất thế giới, với 21% dân số nắm giữ ít nhất một loại tài sản số. Đáng chú ý, trong giai đoạn 2021 - 2022, khối lượng giao dịch tại Việt Nam thậm chí vượt cả Singapore - một trung tâm tài chính toàn cầu (Chainalysis, 2022). Những dữ liệu

này không chỉ phản ánh sự phát triển mạnh mẽ của thị trường tài sản số tại Việt Nam, mà còn cho thấy tiềm năng khai thác sâu hơn các giá trị kinh tế của loại tài sản này. Theo đó, tài sản số không chỉ dừng lại ở giá trị trao đổi hay đầu tư, mà còn được đánh giá là có khả năng sử dụng làm tài sản bảo đảm trong hoạt động tín dụng, qua đó mở rộng khả năng khai thác tài sản, đa dạng hóa nguồn tài sản bảo đảm và thúc đẩy lưu thông vốn trong nền kinh tế số.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã bắt đầu có những bước đi quan trọng trong việc xây dựng khung pháp lý cho tài sản số nói chung và mở ra khả năng nghiên cứu việc sử dụng tài sản số làm tài sản bảo đảm trong hoạt động tín dụng nói riêng. Đáng chú ý, Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/1/2026, đã chính thức đưa tài sản số vào phạm vi điều chỉnh của pháp luật ở cấp luật, qua đó thể hiện sự ghi nhận bước đầu của Nhà nước đối với sự tồn tại và nhu cầu quản lý loại tài sản này. Tiếp đó, Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09/9/2025 về triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam cho thấy Nhà nước đã chuyển từ giai đoạn định hướng chính sách sang bước thử nghiệm cơ chế quản lý trên thực tế. Điều này cho thấy, vấn đề tài sản số không còn nằm ngoài sự điều chỉnh của pháp luật, mà đang từng bước được tiếp cận như một đối tượng cần được nhận diện và quản lý chính thức.

Tuy nhiên, mặc dù các văn bản pháp lý mới ban hành đã đánh dấu bước khởi đầu trong việc thừa nhận tài sản số và định hình khuôn khổ quản lý ban đầu, pháp luật Việt Nam hiện vẫn chưa làm rõ một cách đầy đủ địa vị pháp lý của tài sản số trong hệ thống pháp luật nói chung, cũng như chưa thiết lập cơ chế pháp lý cụ thể cho việc sử dụng loại tài sản này trong các hoạt động tài chính, đặc biệt với tư cách là tài sản bảo đảm trong hoạt động tín dụng. Khoảng trống này khiến tài sản số, dù ngày càng phổ biến và có giá trị kinh tế lớn, vẫn chưa thể trở thành nguồn lực bảo đảm hữu hiệu cho các khoản vay. Vấn đề càng trở nên phức tạp bởi tài sản số mang tính vô hình, phụ thuộc vào công nghệ, biến

động giá mạnh và có thể tồn tại trong môi trường xuyên biên giới, trong khi các quy định hiện hành như Nghị định số 21/2021/NĐ-CP và Nghị định số 99/2022/NĐ-CP chủ yếu được xây dựng trên cơ sở các loại tài sản truyền thống. Vì vậy, việc nghiên cứu sử dụng tài sản số làm tài sản bảo đảm trong hoạt động tín dụng là cần thiết nhằm làm rõ những vấn đề pháp lý đặt ra và đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế số.

2. Tổng quan về sử dụng tài sản số làm tài sản bảo đảm trong hoạt động tín dụng

Hiện nay, tài sản số được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau tùy cách tiếp cận của từng quốc gia, tổ chức quốc tế. Theo UNIDROIT: Tài sản số (digital assets) được hiểu là bản ghi điện tử (electronic asset) có thể kiểm soát được. Theo FATF: Tài sản ảo (virtual assets) được hiểu là biểu hiện dưới dạng số của giá trị có thể được giao dịch, chuyển giao bằng phương tiện điện tử và được sử dụng cho mục đích thanh toán hoặc đầu tư. Tại EU, theo MiCA, tài sản mã hóa (crypto assets) là biểu hiện dưới dạng kỹ thuật số của giá trị hoặc quyền, có thể được chuyển nhượng và lưu trữ điện tử bằng công nghệ sổ cái phân tán hoặc công nghệ tương tự. Tại Hoa Kỳ: Bản ghi điện tử có thể kiểm soát (controllable electronic record - CER) được sử dụng để chỉ một bản ghi được lưu trữ trong môi trường điện tử và có thể được đặt dưới sự chi phối (control). Cách tiếp cận này khá gần với UNIDROIT ở chỗ coi trọng khả năng kiểm soát, nhưng thiên về xác định cụ thể những loại tài sản điện tử có thể trở thành đối tượng của giao dịch thương mại.

Tại Việt Nam, Điều 46 Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 quy định tài sản số là tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự, được thể hiện dưới dạng dữ liệu số, được tạo lập, phát hành, lưu trữ, chuyển giao và xác thực bằng công nghệ số trên môi trường điện tử. Như vậy, mặc dù tên gọi có thể khác nhau như tài sản số, tài sản ảo, tài sản mã hóa hay bản ghi điện tử có thể kiểm soát,... các thuật ngữ này nhìn chung đều được sử dụng để chỉ tài sản tồn tại dưới dạng dữ liệu hoặc bản ghi điện tử trong môi

trường số. So với tài sản truyền thống, các đối tượng này có những đặc trưng nổi bật như tính phi vật chất, khả năng sao chép nhanh chóng và khả năng tiếp cận trên phạm vi toàn cầu. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa tồn tại một sự thống nhất về tên gọi và phạm vi đối với loại tài sản này.

Tài sản bảo đảm là tài sản mà chủ nợ có thể sử dụng để thu hồi khoản nợ trong trường hợp con nợ vi phạm nghĩa vụ (World Bank, 2010). Tương tự, trong pháp luật Việt Nam, tài sản bảo đảm là tài sản được sử dụng trong giao dịch bảo đảm nhằm bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ và có thể được xử lý để thanh toán cho nghĩa vụ được bảo đảm khi nghĩa vụ không được thực hiện (Quốc hội, 2015).

Sử dụng tài sản số làm tài sản bảo đảm trong hoạt động tín dụng là việc bên đi vay dùng tài sản số thuộc sở hữu hợp pháp của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với bên cho vay theo các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

3. Một số vấn đề pháp lý cần giải quyết liên quan đến sử dụng tài sản số làm tài sản bảo đảm trong hoạt động tín dụng tại Việt Nam

3.1. Xác lập địa vị pháp lý rõ ràng cho tài sản số

Điều 46 Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 chính thức đưa ra định nghĩa về tài sản số. Như vậy, pháp luật Việt Nam đã chính thức công nhận sự tồn tại của loại tài sản này. Tuy nhiên, Điều 46 lại định nghĩa tài sản số dựa trên sự dẫn chiếu trực tiếp đến khái niệm tài sản được quy định tại Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015 định nghĩa về tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. Khi tiến hành đối chiếu, có thể thấy tài sản số không thể được xếp vào nhóm vật do thiếu tính hữu hình và hình thái vật chất; cũng không phải là tiền vì không do Ngân hàng Nhà nước phát hành và chưa được công nhận giá trị thanh toán. Tài sản số cũng không thỏa mãn định nghĩa về giấy tờ có giá khi không đại diện cho quan hệ nghĩa vụ trả nợ theo cách hiểu truyền thống của pháp luật Việt Nam.

Vì vậy, tài sản số gần nhất với quyền tài sản, đặc

biệt là quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ khi xét cụ thể hơn tại Điều 115 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền tài sản do: (i) điều vô hình; (ii) có thể định giá được bằng tiền; (iii) có thể phát sinh từ kết quả của hoạt động sáng tạo trí óc. Tuy nhiên, vẫn có những khác biệt giữa tài sản số với quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ như sự công nhận pháp lý, cơ chế vận hành... Chính vì vậy, nhìn chung, tồn tại sự mâu thuẫn trong kỹ thuật viện dẫn quy phạm giữa Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 và Bộ luật Dân sự năm 2015 và việc viện dẫn này tạo ra một vòng lặp pháp lý thiếu điểm tựa, khiến địa vị pháp lý của tài sản số trở nên bất định.

Bên cạnh đó, vấn đề xác lập và thực thi quyền sở hữu đối với loại tài sản này cũng đặt ra nhiều vấn đề pháp lý. Khi tài sản số được coi là tài sản thì quyền sở hữu của nó cũng được xác lập theo Điều 158 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo đó, chủ sở hữu cũng có đầy đủ quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt. Về cơ bản, quyền sử dụng (quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức) và quyền định đoạt (quyền chuyển giao quyền sở hữu tài sản, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng hoặc tiêu hủy) của tài sản số có bản chất tương đồng với tài sản truyền thống khi đều hướng tới việc dịch chuyển giá trị kinh tế giữa các chủ thể. Trong khi đó, quyền chiếm hữu đối với tài sản số lại được thể hiện qua việc kiểm soát kỹ thuật như nắm giữ khóa cá nhân (private key) cho phép một chủ thể thực hiện quyền kiểm soát thực tế đối với tài sản số.

Tuy nhiên, pháp luật vẫn chưa chính thức xác lập tư cách "chiếm hữu pháp lý" cho hành vi này. Đồng thời, quyền sở hữu đối với tài sản số lại bị chi phối bởi năng lực kiểm soát kỹ thuật. Điều này tạo ra nghịch lý khi: người nắm giữ mã khóa có quyền kiểm soát tuyệt đối về mặt kỹ thuật, nhưng quyền đó không đồng nghĩa với quyền sở hữu hợp pháp; ngược lại, chủ sở hữu đích thực khi bị chiếm đoạt mã khóa thiếu cơ chế chứng minh chủ thể quyền và không có cơ quan có thẩm quyền bảo vệ. Bởi khi quyền sở hữu chưa được định hình rõ nét về mặt nội

dụng và phương thức bảo vệ, địa vị pháp lý của tài sản số chỉ dừng lại ở mức độ thừa nhận sự tồn tại, chưa thể tạo ra hành lang an toàn để các tổ chức tín dụng và cá nhân tham gia vào các giao dịch kinh tế.

3.2. Xác định đối tượng tài sản số được sử dụng làm tài sản bảo đảm trong hoạt động tín dụng

Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có quy định chuyên biệt điều chỉnh việc sử dụng tài sản số làm tài sản bảo đảm trong hoạt động tín dụng, mà mới đặt ra quy định về các điều kiện để tài sản trở thành tài sản bảo đảm theo Điều 295 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong bối cảnh đó, tài sản số chỉ có thể được sử dụng làm tài sản bảo đảm khi đáp ứng đủ 4 điều kiện trên, đồng nghĩa với không phải tất cả tài sản số đều được sử dụng làm tài sản bảo đảm. Chỉ một số loại tài sản số đáp ứng đủ yêu cầu pháp lý và kỹ thuật để được sử dụng làm tài sản bảo đảm trong các hoạt động tín dụng, vì có sự phù hợp trong ghi nhận quyền sở hữu, dễ nhận diện, định giá và hiện có trên thị trường. Tuy nhiên, việc xác định cụ thể những loại tài sản số nào đủ điều kiện trở thành tài sản bảo đảm hiện vẫn cần được pháp luật làm rõ, qua đó tiếp tục đặt ra yêu cầu phải hoàn thiện cơ sở pháp lý nhằm xác định rõ phạm vi tài sản số có thể được sử dụng làm tài sản bảo đảm.

3.3. Xác định biện pháp bảo đảm tương thích với sử dụng tài sản số làm tài sản bảo đảm trong hoạt động tín dụng

Điều 295 Bộ Luật Dân sự năm 2015 đã quy định 9 biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, do đặc điểm tồn tại trong môi trường số và được kiểm soát thông qua các yếu tố kỹ thuật như khóa truy cập, địa chỉ ví hoặc hệ thống lưu trữ trên nền tảng công nghệ, không phải mọi biện pháp bảo đảm hiện hành đều phù hợp để áp dụng đối với tài sản số. Vì vậy, khi xem xét sử dụng tài sản số làm tài sản bảo đảm trong hoạt động tín dụng, cần lựa chọn các biện pháp bảo đảm có khả năng thích ứng với đặc điểm kỹ thuật của loại tài sản này, đồng thời đảm bảo khả năng kiểm soát và xử lý tài sản khi phát sinh vi phạm nghĩa vụ.

Một số biện pháp bảo đảm khó có thể áp dụng đối với tài sản số do bản chất pháp lý của các biện pháp này. Chẳng hạn, đặt cọc và ký cược thường được sử dụng để bảo đảm cho việc giao kết hoặc thực hiện một hợp đồng cụ thể, đặc biệt trong các giao dịch mua bán hoặc thuê tài sản. Các biện pháp này gắn với một quan hệ giao dịch xác định và không được thiết kế như một cơ chế bảo đảm phổ biến trong hoạt động tín dụng.

Tương tự, bảo lưu quyền sở hữu là biện pháp áp dụng trong trường hợp bên bán giữ quyền sở hữu đối với tài sản cho đến khi bên mua hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Trong khi đó, đối với tài sản số được sử dụng làm tài sản bảo đảm trong hoạt động tín dụng, tài sản thường đã thuộc quyền của bên vay và không phát sinh từ quan hệ mua bán giữa các bên. Do đó, cơ chế bảo lưu quyền sở hữu khó có thể áp dụng trong trường hợp này. Một số biện pháp khác như bảo lãnh hoặc tín chấp cũng không trực tiếp gắn với việc sử dụng tài sản của bên có nghĩa vụ làm tài sản bảo đảm. Bảo lãnh dựa trên cam kết thực hiện nghĩa vụ của bên thứ ba, trong khi tín chấp chủ yếu dựa trên uy tín của chủ thể hoặc sự bảo đảm của tổ chức chính trị - xã hội. Vì vậy, các biện pháp này không đặt ra vấn đề pháp lý trực tiếp liên quan đến việc sử dụng tài sản số làm tài sản bảo đảm.

Các biện pháp bảo đảm có sự tương thích hơn với tài sản số có thể bao gồm cầm cố, thế chấp và ký quỹ. Tuy nhiên, với cầm cố, pháp luật hiện hành chưa làm rõ việc chuyển giao quyền kiểm soát kỹ thuật này có được coi là chuyển giao tài sản theo nghĩa của cầm cố hay không. Hay khi áp dụng cơ chế thế chấp đối với tài sản số cũng có thể đặt ra yêu cầu cần thiết phải thiết lập các biện pháp kiểm soát bổ sung nhằm hạn chế rủi ro tẩu tán tài sản thông qua sự phối hợp của bên thứ ba. Hay với ký quỹ thì các quy định hiện nay chỉ cho phép ký quỹ bằng tiền hoặc một số tài sản tài chính nhất định, chưa ghi nhận tài sản số. Điều này đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu hoàn thiện khung pháp lý nhằm cho phép áp dụng các mô hình lưu ký hoặc kiểm soát tài sản số

theo hướng tương thích với cơ chế ký quỹ trong các giao dịch bảo đảm.

3.4. Xác định hiệu lực đối kháng với người thứ ba

Theo điều 297 Bộ luật Dân sự năm 2015, hiệu lực đối kháng đối với người thứ ba có thể phát sinh thông qua việc đăng ký giao dịch bảo đảm hoặc việc bên nhận bảo đảm nắm giữ tài sản bảo đảm. Cách tiếp cận này về cơ bản phù hợp với các loại tài sản truyền thống, trong đó việc xác lập hiệu lực đối kháng gắn với các dấu hiệu có thể nhận biết được từ bên ngoài như đăng ký hoặc chiếm hữu. Tuy nhiên, đối với tài sản số - vốn tồn tại dưới dạng dữ liệu điện tử và được vận hành trên các nền tảng công nghệ - quyền chi phối tài sản trên thực tế thường gắn liền với việc kiểm soát các yếu tố kỹ thuật, chẳng hạn như khóa bảo mật (private key) của ví điện tử hoặc quyền xác nhận giao dịch trên hệ thống blockchain. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành vẫn chưa có quy định cụ thể công nhận việc kiểm soát khóa bảo mật hoặc quyền truy cập ví điện tử là một hình thức nắm giữ tài sản theo nghĩa pháp lý. Do đó, trong thực tiễn áp dụng, việc xác định thời điểm phát sinh hiệu lực đối kháng cũng như thứ tự ưu tiên thanh toán trong các giao dịch bảo đảm liên quan đến tài sản số vẫn còn đặt ra nhiều vấn đề pháp lý cần được tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện.

3.5. Xử lý tài sản bảo đảm là tài sản số trong hoạt động tín dụng

Theo Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tài sản bảo đảm có thể bị xử lý trong 3 trường hợp. Tuy nhiên, đối với trường hợp quy định tại khoản (ii) Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 - tức là trường hợp bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ trước thời hạn do vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận hoặc theo quy định của luật - việc áp dụng đối với tài sản số có thể phát sinh một số khó khăn nhất định. Quy định này thường được áp dụng trong các tình huống bên bảo đảm vi phạm các nghĩa vụ liên quan đến việc quản lý, bảo quản hoặc duy trì giá trị của tài sản bảo đảm, từ đó làm phát sinh quyền của bên nhận bảo đảm yêu cầu thực

hiện nghĩa vụ trước hạn và tiến hành xử lý tài sản bảo đảm. Cụ thể, đối với tài sản số, việc xác định nguyên nhân làm mất hoặc làm giảm giá trị tài sản có thể phức tạp hơn. Trong một số trường hợp, tài sản số có thể bị mất do bị tấn công mạng, bị đánh cắp khóa bảo mật hoặc bị chuyển ra khỏi ví điện tử do lỗi bảo mật. Khi đó, việc xác định liệu sự kiện này có phải là hành vi vi phạm nghĩa vụ của bên bảo đảm hay chỉ là rủi ro kỹ thuật phát sinh trong quá trình quản lý tài sản số không phải lúc nào cũng rõ ràng, từ đó có thể gây khó khăn trong việc xác định liệu đã phát sinh căn cứ để xử lý tài sản bảo đảm hay chưa.

Một vấn đề khác có thể phát sinh khi áp dụng quy định này đối với tài sản số là đặc điểm biến động giá mạnh của loại tài sản này. Điều này đặt ra nhu cầu đối với bên nhận bảo đảm trong việc có thể xử lý tài sản bảo đảm kịp thời nhằm hạn chế rủi ro tài sản tiếp tục mất giá. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể coi sự sụt giảm giá trị của tài sản bảo đảm do biến động thị trường là một căn cứ làm phát sinh quyền xử lý tài sản trước hạn. Do đó, trong bối cảnh tài sản số có mức độ biến động giá cao, có thể đặt ra vấn đề liệu pháp luật có nên quy định cơ chế xử lý tài sản bảo đảm khi giá trị tài sản giảm xuống dưới một ngưỡng nhất định, hay để các bên chủ động thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm về ngưỡng giảm giá trị của tài sản cũng như quyền xử lý tài sản trong các trường hợp này.

Theo khoản 1 Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015, phương thức xử lý tài sản bảo đảm trước hết được xác định theo thỏa thuận của các bên. Thỏa thuận này có thể được xác lập ngay từ thời điểm thiết lập giao dịch bảo đảm hoặc được các bên thống nhất bổ sung tại thời điểm chuẩn bị xử lý tài sản. Trong trường hợp các bên đạt được thỏa thuận, tài sản bảo đảm có thể được xử lý theo một trong các phương thức như bán tài sản bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế việc thực hiện nghĩa vụ. Trường hợp các bên không có thỏa thuận hoặc không đạt được thỏa thuận về phương thức xử lý, pháp luật quy định phương thức

mặc định là bán đấu giá tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

Nhìn chung, các phương thức xử lý tài sản bảo đảm được quy định trong pháp luật dân sự vẫn có thể áp dụng đối với tài sản số. Tuy nhiên, do đặc điểm của loại tài sản này gắn với môi trường giao dịch số và có mức độ biến động giá cao, việc lựa chọn phương thức xử lý tài sản cần được các bên thỏa thuận rõ ràng ngay từ thời điểm xác lập giao

dịch bảo đảm hoặc tại thời điểm chuẩn bị xử lý tài sản. Trong trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận về phương thức xử lý, việc lựa chọn phương thức xử lý liệu có thể được định hướng và quy định dựa trên đặc tính của tài sản số, theo hướng ưu tiên bán theo giá thị trường đối với tài sản có khả năng xác định giá rõ ràng, áp dụng đấu giá đối với tài sản thiếu cơ sở tham chiếu thay vì phương thức mặc định là bán đấu giá ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2021). Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Truy cập tại <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?docid=202835&pageid=27160>

Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2022). Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 về đăng ký biện pháp bảo đảm. Truy cập tại <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=206942&pageid=27160>

Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2025). Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09/09/2025 về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam. Truy cập tại <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=215249&pageid=27160>

Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015). Bộ luật Dân sự (Luật số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015). Truy cập tại <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?docid=183188&pageid=27160>

Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2025). Luật Công nghiệp công nghệ số (Luật số 71/2025/QH15 ngày 14/06/2025). Truy cập tại <https://vanban.chinhphu.vn/?classid=1&docid=214609&pageid=27160&typegroupid=3>

American Law Institute; Uniform Law Commission (2022). Uniform Commercial Code Amendments (2022). Available at <https://www.uniformlaws.org/HigherLogic/System/DownloadDocumentFile.ashx?DocumentFileKey=09f06049-988c-759e-87a5-432c12085487&forceDialog=0>

Chainalysis (2022). The 2022 Geography of Cryptocurrency Report. Available at <https://go.chainalysis.com/rs/503-FAP-074/images/2022-Geography-of-Cryptocurrency.pdf?ref=benjamindada.com>

Chainalysis (2025). APAC Crypto Adoption Accelerates with Distinct National Pathways. Available at <https://www.chainalysis.com/blog/asia-pacific-crypto-adoption-2025/>

Chainalysis (2025). The 2025 Global Adoption Index: India and the United States Lead Cryptocurrency Adoption. Available at <https://www.chainalysis.com/blog/2025-global-crypto-adoption-index/>

European Parliament; Council of the European Union (2023). Regulation (EU) 2023/1114 of 31 May 2023 on markets in crypto-assets, and amending Regulations (EU) No 1093/2010 and (EU) No 1095/2010 and Directives 2013/36/EU and (EU) 2019/1937 (MiCA). Available at <https://www.springlex.eu/en/packages/mica/mica-regulation/>

Financial Action Task Force (2021). Updated Guidance: A Risk-Based Approach to Virtual Assets and Virtual Asset Service Providers. Paris: FATF/OECD. Available at <https://www.fatf-gafi.org/content/dam/fatf-gafi/guidance/Updated-Guidance-VA-VASP.pdf>

International Finance Corporation (2010). Secured Transactions Systems and Collateral Registries. Investment Climate Advisory Services | World Bank Group, January 2010. Washington, DC: International Finance Corporation. Available at <https://documents1.worldbank.org/curated/en/517431468344950619/pdf/94182-REVISED-PUBLIC-SecuredTransactionsGuideJan.pdf>

UNIDROIT (2023). UNIDROIT Principles on Digital Assets and Private Law. Rome: UNIDROIT. Available at <https://www.unidroit.org/wp-content/uploads/2024/01/Principles-on-Digital-Assets-and-Private-Law-linked-1.pdf>.

Ngày nhận bài: 19/01/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 04/02/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 23/02/2026

LEGAL CHALLENGES IN USING DIGITAL ASSETS AS COLLATERAL IN CREDIT TRANSACTIONS IN VIETNAM

● **NGUYEN THANH HUYEN¹**

● **TRAN QUYNH NHU¹**

● **NGUYEN THUY TIEN¹**

● **PHAM PHUONG HOA¹**

● **HOANG DUC MANH¹**

¹Foreign Trade University

ABSTRACT:

This study examines key legal issues arising from the use of digital assets as collateral in credit activities in Vietnam. Although digital assets have been initially recognized within the legal system, critical aspects remain insufficiently defined, including their legal status, mechanisms for the establishment and protection of rights, the scope of their use as collateral, appropriate forms of security interests, third-party enforceability, and procedures for asset realization in cases of default. The analysis highlights significant ambiguities and gaps in the current regulatory framework, underscoring the challenges these pose for integrating digital assets into secured lending practices within the evolving digital economy.

Keywords: digital assets, collateral, secured transactions, credit activities.